



biàn pén

便盆

noun · bedpan

Example Sentences

Bìng rén xū yào yòng yí gè biàn pén

病人需要用 一个便盆。

The patient needs to use a bedpan.

Hù shì měi tiān qīng xǐ biàn pén bǎo chí wèi shēng

护士每天清洗便盆，保持卫生。

The nurse cleans the bedpan every day to maintain hygiene.

Trace each character, then write the word on your own.

便	便	便	便	便	便	便	便	便	便	便
便										
盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆
盆										